

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 421/2023/HC-PT

Ngày: 09/6/2023

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyền;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huyền Cường;
Bà Nguyễn Ngọc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Cảnh Duy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Phạm Thị Minh Hải - Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2023 tại điểm cầu trung tâm: Phòng xét xử trực tuyến (số V) – Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Điểm cầu thành phần: Phòng xét xử trực tuyến – Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 155/2023/TLPT-HC ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc “*khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 24/2022/HC-ST ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 5985/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1975; địa chỉ: Số nhà A, ngách C, ngõ A, tổ dân phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Đình H - Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến D - Phó Chủ tịch (Quyết định ủy quyền số 2783/QĐ-UBND ngày 02/8/2022 của Chủ tịch UBND thành phố B), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh T - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B, có mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiên D - Phó Chủ tịch (*Quyết định ủy quyền số 2783/QĐ-UBND ngày 02/8/2022 của Chủ tịch UBND thành phố B*), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh T - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường. Có mặt.

2. Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H1 - Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đồng Văn B - Phó Chủ tịch. Có mặt.

3. Anh Đào Ngọc H2, sinh năm 2000; địa chỉ: Số nhà A, ngách C, ngõ A, tổ dân phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Thị N, sinh năm 1966; địa chỉ: số nhà A, ngõ E, tổ dân phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

4. Chị Đào Thị Kiều O, sinh năm 1998; địa chỉ: Số nhà A, ngõ H, tổ dân phố S, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/4/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Hộ gia đình bà gồm có bà, 02 người con và chồng bà là ông Đào Trung D1 là chủ sử dụng diện tích 1.128,3m² đất, trong đó có 360m² đất ở, 768,3m² đất vườn thuộc thửa đất số 88, tờ bản đồ số 24, địa chỉ tại thôn H, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 27/4/2021, Ủy ban nhân dân (*sau đây viết tắt là UBND*) thành phố B ban hành Quyết định số 603/QĐ-UBND (*sau đây viết tắt là Quyết định số 603*), Về việc thu hồi đất (đợt 5) tại phường T để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình: HTKT Nhóm dân cư H, phường T, thành phố B (*sau đây viết tắt là Dự án*), trong đó gia đình bà bị thu hồi 1.136,3m² đất là không đúng, vì diện tích của gia đình bà do cha ông để lại chỉ có 468,3m², phần còn lại: 1.136,3m² - 468,3m² không phải của gia đình bà mà là của các anh chị em ông Đào Trung D1 theo Biên bản họp gia đình ngày 02/5/2007, có xác nhận của UBND phường T.

Cùng ngày, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 604/QĐ-UBND (*sau đây viết tắt là Quyết định số 604*) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 5) để thực hiện Dự án trong đó có diện tích trên của gia đình bà.

Gia đình bà đã khiếu nại nội dung trên và được Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 18/3/2022, về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) (*sau đây viết tắt là Quyết định số 1095*).

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy một phần Quyết định số 603, một phần Quyết định số 604 của UBND thành phố B.

Chủ tịch và UBND thành phố B thông qua đại diện theo ủy quyền trình bày:

- Diễn biến vụ việc: Thực hiện Quyết định số 4540/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Công trình: Hạ tầng kỹ thuật Nhóm dân cư H, phường T, thành phố B, ngày 04/12/2018, UBND thành phố ban hành Thông báo số 318/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án.

Theo bản đồ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án, hộ bà Nguyễn Thị Y (chồng là Đào Trọng D2 đã chết) quản lý sử dụng thửa đất số 104, diện tích 1.136,3m² ký hiệu ODT (đất ở) (trong chỉ giới 1.062,2m², ngoài chỉ giới 74,1m²). Ngày 23/8/2020, bà Y có đơn xin thu hồi diện tích 74,1m² nằm ngoài chỉ giới thực hiện dự án.

Ngày 03/10/2020, bà Y có Tờ tự khai về đất và tài sản trên đất Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án. Cùng ngày, Trung tâm Phát triển quỹ đất và Công nghiệp thành phố phối hợp với UBND phường T, tổ dân phố H và hộ gia đình thực hiện kiểm kê tài sản trên đất Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án.

Ngày 29/10/2020, UBND phường T tổ chức họp xét nguồn gốc đất trong đó xác định: Hộ bà Y quản lý sử dụng thửa đất 104, diện tích 1.136,3m² (trong đó 360,0m² đất ở đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*sau đây viết tắt là GCNQSD đất*), 768,3m² đất vườn trong cùng thửa đất ở đã được cấp GCNQSD đất, 8,0m² đất đôi dư sai số đo đạc chưa được cấp GCNQSD đất gia đình bà Y sử dụng trước ngày 01/7/2004, đề nghị bồi thường đất vườn trong cùng thửa đất ở).

Ngày 27/4/2021, UBND thành phố ban hành Quyết định số 603 về việc thu hồi đất (đợt 5), Quyết định số 604 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 5) khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án trong đó hộ bà Y bị thu hồi tại thửa đất số 104, diện tích 1.136,3m² (360,0m² đất ở, 776,3m² thuộc đất vườn ao trong cùng thửa đất ở), với tổng kinh phí 3.623.679.800 đồng và giao 03 lô đất ở tại Phân lô số N02 (*từ lô số 43 đến lô số 49*) và Phân lô N05 (*từ lô số 15 đến lô số 20*) thuộc dự án Nhóm dân cư H.

Giá thu tiền tại 07 lô đất thuộc phân lô N05 (từ lô 43 đến lô D) là 5.000.000đ/m²; giá thu tiền 06 lô đất thuộc phân lô N05 (từ lô số 15 đến lô số 20) là 6.200.000đ/m² (giá tái định cư chỉ từ 375.000.000đ/lô đến cao nhất là 550.000.000đ/lô).

Ngày 28/01/2022, bà Y có đơn khiếu nại Quyết định số 603, Quyết định số 604 của UBND thành phố B. Đề nghị giao 06 lô đất ở tái định cư không phải nộp tiền sử dụng đất.

Ngày 18/3/2022, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 1095 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Y với nội dung không chấp

nhận khiếu nại.

- Quan điểm vụ việc: Qua kết quả xác minh xem xét nội dung khiếu nại nhận thấy: Việc phân chia thửa đất thành 06 thửa đất tại Biên bản họp gia đình ngày 02/5/2007 do bà Y cung cấp chưa được thực hiện đăng ký quyền sử dụng đất theo Điều 46 Luật Đất đai năm 2003 (nay là đăng ký biến động theo khoản 4 Điều 95 Luật Đất đai năm 2013).

Theo khoản 29 Điều 3, Điều 5 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 64, [HYPERLINK "https://luatvietnam.vn/dat-dai/nghi-dinh-43-2014-nd-cp-huong-dan-luat-dat-dai-86925-d1.html"](https://luatvietnam.vn/dat-dai/nghi-dinh-43-2014-nd-cp-huong-dan-luat-dat-dai-86925-d1.html) Điều 75 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP/15/5/2014 của Chính phủ; khoản 3 Điều 3 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; khoản 11 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; Quyết định số 745/2014/QĐ-UBND ngày 07/11/2014 của UBND tỉnh B, nhận thấy: Biên bản họp gia đình bà Y cung cấp không đủ điều kiện đăng ký biến động theo quy định tại khoản 4 Điều 95 Luật Đất đai năm 2013 để tách thửa và cấp GCNQSD đất thành 06 thửa đất.

Theo khoản 1 Điều 74, khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 việc bồi thường theo thửa đất đã được cấp GCNQSD đất.

Căn cứ khoản 1 Điều 3 Quy định về hạn mức đất giao làm nhà ở; hạn mức công nhận đất ở đối với thửa đất ở có vườn, ao và diện tích đất ở tối thiểu được tách thửa áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang kèm theo Quyết định số 745/2014/QĐ-UBND ngày 07/11/2014 của UBND tỉnh B quy định hạn mức đất ở như sau:

“1. Đất ở đô thị thuộc tổ dân phố của các phường và các vị trí ven trục đường chính đã được đặt tên của thị trấn: Không quá 100m²”.

Căn cứ khoản 1 Điều 3 Quy định về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh B quy định như sau:

“Điều 3. Bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất ở:

Hộ gia đình, cá nhân có đất ở khi Nhà nước thu hồi đất thuộc một trong các trường hợp sau thì được bồi thường bằng đất ở:

1. Thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì được bồi thường bằng 01 lô đất ở.

2. Trường hợp trong hộ gia đình quy định tại Khoản 1 Điều này có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng 01 (một) thửa đất ở thu hồi thì ngoài diện tích đất ở được bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều này thì hộ gia đình, cá nhân còn được giao đất ở cho từng cặp vợ chồng còn lại theo giá đất cụ thể tại thời điểm giao đất.

3. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất ở mà diện tích đất ở thu hồi lớn hơn 02 (hai) lần hạn mức giao đất ở theo quy định của UBND tỉnh thì hộ gia đình, cá nhân ngoài 01 lô đất ở được giao tái định cư thì được giao thêm 01 (một) lô đất ở theo giá đất cụ thể tại thời điểm giao đất.

Trường hợp diện tích đất ở thu hồi lớn hơn 03 (ba) lần hạn mức đất ở theo quy định của UBND tỉnh thì ngoài 01 lô đất tái định cư được giao thêm 02 (hai) lô đất ở theo giá đất cụ thể tại thời điểm giao đất.

4. Trường hợp Nhà nước thu hồi diện tích đất ở lớn hơn 02 (hai) lần hạn mức đất ở mà hộ gia đình, cá nhân không thuộc trường hợp phải bố trí tái định cư thì được giao đất ở nhưng tối đa không quá 02 (hai) lô theo giá đất cụ thể tại thời điểm giao đất”.

Từ những căn cứ trên, việc UBND thành phố B thực hiện bồi thường và giao 03 lô đất ở cho hộ bà Nguyễn Thị Y là đúng quy định pháp luật. Do đó, việc bà Nguyễn Thị Y đề nghị giao cho bà 06 lô đất ở tái định cư không phải nộp tiền sử dụng đất là không có cơ sở.

Việc Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 1095 về việc giải quyết khiếu nại của bà Y với nội dung không chấp nhận khiếu nại là đúng quy định pháp luật.

Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Y.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đào Ngọc H2 và chị Đào Thị Kiều O thống nhất trình bày: Toàn bộ nội dung vụ việc bà Nguyễn Thị Y là mẹ đẻ của anh chị đã trình bày cụ thể trong đơn khởi kiện gửi cho Tòa án nêu rõ ý kiến, yêu cầu trong vụ án trên. Nay anh chị thống nhất với ý kiến và quan điểm của người khởi kiện đã trình bày, không bổ sung gì thêm, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2022/HC-ST ngày 07 tháng 10 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3, 4 Điều 32, Điều 191, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 62; điểm a khoản 2 Điều 66; Điều 67; Điều 69; Điều 71; khoản 2 Điều 74 và Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y về việc đề nghị Tòa án giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 27/4/2021 của UBND thành phố B, về việc thu hồi đất (đợt 5) tại phường T để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình: HTKT Nhóm dân cư H, phường T, thành phố B, có liên quan đến diện tích đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Y.

- Hủy một phần Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 27/4/2021 của UBND thành phố B, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB

(đợt 5) tại phường T để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình: HTKT Nhóm dân cư H, phường T, thành phố B, có liên quan đến diện tích đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Y.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/10/2022, bà Nguyễn Thị Y kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, không đề nghị được bồi thường 06 suất tái định cư nữa mà chỉ đề nghị Nhà nước thu hồi diện tích 360m² đất ở thì phải bồi thường đủ 360m² đất tái định cư.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án đã phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị Y; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Bà Nguyễn Thị Y khởi kiện đề nghị Tòa án hủy một phần Quyết định số 603, một phần Quyết định số 604 của UBND thành phố B liên quan đến diện tích đất của hộ gia đình bà là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 22 Luật đất đai 2013 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 và khoản 1 Điều 30 Luật tổ tụng hành chính 2015.

Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đảm bảo về thời hiệu và điều kiện khởi kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính 2015.

Không đồng ý với một phần Quyết định số 603, một phần Quyết định số 604 của UBND thành phố B nên bà Nguyễn Thị Y có khiếu nại. Chủ tịch UBND thành phố B đã ban hành Quyết định số 1095 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị Y.

Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xem xét đồng thời Quyết định số 1095 của Chủ tịch UBND thành phố B là đúng với quy định tại Điều 6 Luật tổ tụng hành chính.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đào Ngọc Hà vắng mặt nhưng có mặt đại diện theo ủy quyền, căn cứ quy định tại Điều 225 Luật tổ tụng hành chính 2015, HĐXX tiếp tục tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Y, Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy:

[2.1]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 603, Quyết định số 604 của

UBND thành phố B:

- Về thẩm quyền ban hành: Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 62; điểm b khoản 1, điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 66 Luật đất đai năm 2013, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 603 về việc thu hồi đất và Quyết định số 604 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB là đúng thẩm quyền.

- Về trình tự, thủ tục ban hành: Trước khi ban hành quyết định, UBND thành phố B đã tiến hành xây dựng và thực hiện kế hoạch thông báo thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ. Vì vậy, Quyết định số 603 và Quyết định số 604 đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 67 và Điều 69 Luật đất đai 2013.

- Về nội dung:

+ Căn cứ xác định giá để lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB:

Việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường cho hộ bà Nguyễn Thị Y dựa trên bản tự kê khai, biên bản kiểm kê, sổ địa chính được lưu trữ tại UBND phường, giấy CNQSDĐ đối với thửa đất, diện tích đất và các tài sản trên đất của hộ bà Nguyễn Thị Y và các tài liệu khác về trình tự thủ tục thu hồi đất có trong hồ sơ.

Trên cơ sở xác định nguồn gốc đất, ngày 27/4/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 603 về việc thu hồi đất (đợt 5) và Quyết định số 604 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 5) khi Nhà nước thu hồi đất, trong đó hộ bà Nguyễn Thị Y bị thu hồi tại thửa đất số 104, tờ bản đồ số 1 (theo bản đồ phục vụ công tác GPMB thực hiện dự án) đối với diện tích 1.136,3m² (trong đó có 360,0m² đất ở, 776,3m² thuộc đất vườn ao trong cùng thửa đất ở), với tổng kinh phí, cụ thể như sau: Đất ở diện tích: 360m² x 3.900.000đ/m² = 1.404.000.000đ; Đất vườn diện tích: 702,2m² + đất ngoài chỉ giới 74,1m² x 1.950.000đ/m² = 1.513.785.000đ; Tài sản, công trình trên đất được bồi thường: 705.894.800đ. Tổng kinh phí: 3.623.679.800 đồng và giao 03 lô đất ở tại Phân lô số N02 (từ lô số 43 đến lô số 49) và Phân lô N05 (từ lô số 15 đến lô số 20) thuộc dự án Nhóm dân cư H. Giá thu tiền tại 03 lô đất thuộc phân lô N02 (từ lô 43 đến lô D) là 5.000.000đ/m²; giá thu tiền 07 lô đất thuộc phân lô N05 (từ lô số 15 đến lô số 20) là 6.200.000đ/m² (giá tái định cư chỉ từ 375.000.000đ/lô đến cao nhất là 550.000.000đ/lô).

Căn cứ khoản 1 Điều 3 Quyết định số 745/2014/QĐ-UBND ngày 07/11/2014 của UBND tỉnh B quy định hạn mức đất ở đô thị thuộc tổ dân phố của các phường và các vị trí ven trục đường chính đã được đặt tên của thị trấn không quá 100m².

Căn cứ khoản 3 Điều 3 Quy định về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh B quy định Trường hợp diện tích đất ở thu hồi lớn hơn 03 (ba) lần hạn mức đất ở theo quy định của UBND tỉnh thì ngoài 01 lô đất tái định cư được giao thêm 02 (hai) lô đất ở theo giá đất cụ thể tại thời điểm giao đất.

Theo đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ghi ngày 29/8/1998 thể hiện họ tên chủ hộ gia đình: Đào Trung D1 và họ tên vợ của chủ hộ gia đình: Nguyễn Thị Y và được UBND phường T xác nhận ngày 7/10/2000. Căn cứ sổ hộ khẩu gia đình ghi ngày 13/11/2002, hộ gia đình bà Y gồm có: Chủ hộ ông Đào Trung D1, thành viên: Vợ bà Nguyễn Thị Y, con Đào Thị Kiều O và Đào Ngọc H2. Tại thời điểm thu hồi đất hộ gia đình bà Y gồm có: Bà Nguyễn Thị Y và con Đào Ngọc H2, sinh năm 2000, Đào Thị Kiều O, sinh năm 1998); Hộ bà Y quản lý sử dụng thửa đất 104 (bản đồ GPMB), diện tích 1.136,3m², trong đó 360,0m² đất ở đã được cấp GCNQSD đất, 768,3m² đất vườn trong cùng thửa đất ở đã được cấp GCNQSD đất, 8,0m² đất dôi dư sai số đo đạc chưa được cấp GCNQSD đất gia đình bà Y sử dụng trước ngày 01/7/2004 có đề nghị bồi thường đất vườn trong cùng thửa đất ở.

Vì vậy, UBND thành phố B thực hiện bồi thường và giao 03 lô đất ở cho hộ bà Nguyễn Thị Y là đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 74 và Điều 75 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 3 Quyết định số 745/2014/QĐ-UBND ngày 07/11/2014 và khoản 3 Điều 3 Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh B. Đề nghị của bà Nguyễn Thị Y tại phiên tòa phúc thẩm yêu cầu được giao đủ diện tích 360m² đất tái định cư là không có cơ sở chấp nhận.

+ Tại cấp sơ thẩm bà Nguyễn Thị Y cho rằng ngoài diện tích 468,3m² đất thì diện tích đất bị thu hồi còn lại không thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình bà mà của 05 anh chị em của ông Đào Trung D1 theo Biên bản họp gia đình ngày 02/5/2017, HĐXX thấy: Việc phân chia thửa đất thành 06 thửa đất theo Biên bản họp gia đình ngày 02/5/2007 do bà Y cung cấp chưa được thực hiện đăng ký quyền sử dụng đất theo Điều 46 Luật Đất đai năm 2003 (nay là đăng ký biến động theo khoản 4 Điều 95 Luật Đất đai năm 2013). Mặt khác, căn cứ khoản 29 Điều 3, Điều 5 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 64, Điều 75 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 3 Điều 3 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; khoản 11 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; Quyết định số 745/2014/QĐ-UBND ngày 07/11/2014 của UBND tỉnh B thì Biên bản họp gia đình bà Y cung cấp không đủ điều kiện đăng ký biến động theo quy định tại khoản 4 Điều 95 Luật Đất đai năm 2013 để tách thửa và cấp GCNQSD đất thành 6 thửa đất. Tại thời điểm thu hồi đất, xác định toàn bộ diện tích 1.136,3m² (trong đó có 360,0m² đất ở, 776,3m² thuộc đất vườn ao trong cùng thửa đất ở) thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Y, vì vậy, yêu cầu này của bà Y là không có cơ sở chấp nhận. Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm, bà Y không đề nghị xem xét nội dung này nữa.

[2.2]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 1095 của Chủ tịch UBND thành phố B:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn ban hành: Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 1095 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và thời hạn ban hành theo quy định tại Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18; Điều 28; Điều 29; Điều 30 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số

75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính, Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013.

- Về nội dung: Như đã phân tích ở đoạn [2.1], Quyết định số 603, Quyết định số 604 được ban hành đúng về trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung phù hợp với các quy định của pháp luật cũng như chính sách tại địa phương. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 1095 giải quyết khiếu nại lần đầu với nội dung không chấp nhận yêu cầu của người khiếu nại là hợp pháp và có căn cứ.

[3] Từ những phân tích trên, HĐXX nhận thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y là đúng pháp luật. Bà Nguyễn Thị Y không xuất trình được các tình tiết, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Y.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Y phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị Y và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2022/HC-ST ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

2. Bà Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ đi số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai số 0000662 ngày 20/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận bà Nguyễn Thị Y đã thi hành xong án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Tuyền

